

Số:2259/KH-SYT

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 11 năm 2017

**KẾ HOẠCH
Tinh giản biên chế giai đoạn 2016-2021
Theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ**

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết 39-NQ/TW của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 quy định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2016-2021; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 17/01/2017 về thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016; Công văn số 535/UBND-NC1 ngày 25/01/2017 về việc triển khai Chỉ thị số 02/CT-TTG; Công văn số 1285/SNV-TCBM ngày 30/10/2017 về việc kịp thời xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2021.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC

1. Mục đích, yêu cầu

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế nhằm góp phần đổi mới và từng bước nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị; góp phần quan trọng đổi mới hệ thống hành chính trong thời gian tới.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế phải đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng, điều hành của chính quyền, tổ chức thực hiện nghiêm túc của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và sự phối kết hợp, giám sát của các đoàn thể nhân dân.

- Góp phần đổi mới và từng bước nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đưa ra khỏi biên chế những người dôi dư, không đáp ứng yêu cầu công việc, không thể bố trí sắp xếp công tác khác.

- Tinh giản biên chế phải đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc và trình tự thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; công khai Đề án tinh giản biên chế và danh sách đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế, thực hiện tốt quy chế dân chủ của cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

- Tinh giản biên chế thực hiện từ năm 2016 đến năm 2021 đạt được tỷ lệ tinh giản tối thiểu bằng 10% biên chế của đơn vị được UBND tỉnh giao năm 2015.

2. Nguyên tắc:

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế.

- Được tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

- Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.

- Kế hoạch thực hiện giảm biên chế đảm bảo tỷ lệ những năm đầu nhiều hơn những năm cuối.

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

1. Về tổ chức, bộ máy

Sở Y tế là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, bao gồm 03 cơ quan quản lý nhà nước và 28 đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

- Cơ quan Văn phòng Sở Y tế: Có 06 phòng chuyên môn, 34 biên chế công chức và hợp đồng lao động gồm: 01 Giám đốc; 05 Phó Giám đốc (02 Phó Giám đốc kiêm nhiệm); 06 Trưởng phòng; 06 Phó Trưởng phòng; 15 chuyên viên và 03 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- 02 đơn vị quản lý nhà nước: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình với 13 công chức, 01 hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và 01 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm với 14 công chức và 01 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

- 28 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, gồm: Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh, Bệnh viện Mắt, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Phòng chống Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe, Trung

tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Da Liễu, Trung tâm pháp Y; 12 Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, thị xã, thành phố và Bệnh viện đa khoa khu vực cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo. Tổng số công chức viên chức của 28 đơn vị trực thuộc là: 2.965, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ là: 57 và 19 cán bộ hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế.

2. Thực trạng về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị:

2.1. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh về chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân gồm: Y tế dự phòng, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y dược học cổ truyền, thuốc phòng chữa bệnh cho người, mỹ phẩm ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số- KHHGD, trang thiết bị Y tế; các dịch vụ công thuộc ngành Y tế; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Sở Y tế chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

2.2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

- *Lĩnh vực khám chữa bệnh*: Hiện nay toàn Ngành có 19 bệnh viện thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn theo phân cấp, phân tuyến và lĩnh vực chuyên khoa. Tổng số giường bệnh kế hoạch: 2.390 giường, công suất sử dụng giường bình quân 137%; tình trạng quá tải giường bệnh chủ yếu ở Bệnh viện đa khoa tỉnh và một số bệnh viện tuyến huyện như Kỳ Anh, Đức Thọ, Cẩm Xuyên, Bệnh viện đa khoa thành phố...

- *Các Trung tâm chuyên khoa cấp tỉnh*: Hiện nay toàn tỉnh có 09 trung tâm chuyên khoa cấp tỉnh và 02 Chi cục, các đơn vị đã và đang thực hiện nhiệm vụ theo từng chuyên ngành, lĩnh vực theo ngành dọc từ Bộ Y tế; các trung tâm và chi cục này thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số kế hoạch hóa gia đình, các chương trình mục tiêu Quốc gia và thực hiện các chương trình dự án.

3. Thực trạng về biên chế, sử dụng biên chế

a) Về số lượng biên chế, hợp đồng lao động được giao năm 2017: 3.167

Trong đó:

- Biên chế công chức và số lượng người làm việc được giao: 3.097

- Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 70

b) Về tình hình quản lý và sử dụng biên chế, số lượng người làm việc:

Tổng số nhân lực hiện có: 3.051 người, gồm:

Cán bộ, công chức	Viên chức	Hợp đồng 68	HĐLĐ khác
88	2.877	66	20

c) Thống kê thực trạng chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo NĐ 68 của cơ quan, đơn vị:

- Cơ cấu ngạch:

TT	Tên đơn vị	Tổng số	CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	Cán sự & TĐ	Còn lại
I	Cơ quan Hành chính	64	0	15	41	1	7
1	Sở Y tế	34		11	20		3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			32.35	58.82		8.82
2	Chi cục Dân số - KHHGĐ	16		2	11		3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			12.50	68.75	0.00	18.75
3	Chi cục An toàn vệ sinh TP	14		2	10	1	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			14.29	71.43	7.14	7.14
II	Đơn vị sự nghiệp	2987	0	84	848	1608	447
1	Bệnh viện đa khoa tinh	671		27	186	341	117
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			4.02	27.72	50.82	17.44
2	BV Phục hồi chức năng	99		3	24	55	17
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.03	24.24	55.56	17.17
3	BV phổi	92		3	21	56	12
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.26	22.83	60.87	13.04
4	BV Y học Cổ truyền	151		6	40	83	22
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.97	26.49	54.97	14.57
5	BV Cửa khẩu quốc tế cầu mèo	56		2	14	31	9
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.57	25.00	55.36	16.07
6	Trung tâm Y tế Dự phòng tinh	54		1	30	20	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			1.85	55.56	37.04	5.56
7	Trung tâm phòng chống sốt rét	24		2	10	10	2
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			8.33	41.67	41.67	8.33
8	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	26			6	18	2
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				23.08	69.23	7.69
9	Trung tâm Chăm sóc SKSS	26			5	18	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				19.23	69.23	11.54
10	Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP	25			12	10	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				48.00	40.00	12.00
11	Trung tâm Truyền thông - GDSK	13		1	8	3	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			7.69	61.54	23.08	7.69
12	Trung tâm Giám định Y khoa	10		2	4	4	0
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			20.00	40.00	40.00	0.00
13	Trung tâm Pháp Y	11		1	1	8	1

	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			9.09	9.09	72.73	9.09
14	BV Tâm thần	53		18	26	9	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			33.96	49.06	16.98	
15	Trạm Da Liễu	11	1	3	6	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		9.09	27.27	54.55	9.09	
16	Trung tâm Mắt	31	2	8	20	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		6.45	25.81	64.52	3.23	
17	BV đa khoa huyện Hương Sơn	132	4	40	73	15	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		3.03	30.30	55.30	11.36	
18	BV đa khoa huyện Đức Thọ	175	4	33	103	35	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		2.29	18.86	58.86	20.00	
19	BV đa khoa huyện Can Lộc	130	3	36	81	10	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		2.31	27.69	62.31	7.69	
20	BV đa khoa huyện Vũ Quang	110	1	21	68	20	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.91	19.09	61.82	18.18	
21	BV đa khoa huyện Nghi Xuân	117	3	45	55	14	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		2.56	38.46	47.01	11.97	
22	BV đa khoa huyện Thạch Hà	144	2	38	80	24	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.39	26.39	55.56	16.67	
23	BV đa khoa huyện Lộc Hà	95	2	33	44	16	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		2.11	34.74	46.32	16.84	
24	BV đa khoa huyện Hương Khê	153	3	47	86	17	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.96	30.72	56.21	11.11	
25	BV đa khoa huyện Kỳ Anh	173	3	51	93	26	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.73	29.48	53.76	15.03	
26	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên	106	2	38	53	13	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.89	35.85	50.00	12.26	
27	BV đa khoa thị xã Hồng Lĩnh	158	4	31	81	42	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		2.53	19.62	51.27	26.58	
28	BV đa khoa TP Hà Tĩnh	141	2	45	82	12	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.418	31.915	58.156	8.511	

- Trình độ chuyên môn:

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo trình độ công chức, viên chức (Tỷ lệ % so với tổng số người)					
			Tiến sỹ và TĐ	Thạc sỹ và TĐ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại
I	Cơ quan Hành chính	64	4	17	34	1	1	7
1	Sở Y tế	34	2	15	14			3

	(Tỷ lệ % so với tổng số người)	100	5.88	44.12	41.18	0.00	0.00	8.82
2	Chi cục Dân số - KHHGĐ	16	1		12			3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)	100	6.25	0.00	75.00	0.00	0.00	18.75
3	Chi cục An toàn vệ sinh TP	14	1	2	8	1	1	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)	100	7.14	14.29	57.14	7.14	7.14	7.14
II	Đơn vị sự nghiệp	2987	23	283	724	216	1331	410
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	671	14	64	135	46	295	117
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		2.09	9.54	20.12	6.86	43.96	17.44
2	BV Phục hồi chức năng	99		6	21	10	45	17
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			6.06	21.21	10.10	45.45	17.17
3	BV phổi	92		5	21	9	45	12
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			5.43	22.83	9.78	48.91	13.04
4	BV Y học Cổ truyền	151	1	7	48	5	68	22
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.66	4.64	31.79	3.31	45.03	14.57
5	BV Cửa khẩu quốc tế cầu treo	56		4	13	2	28	9
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			7.14	23.21	3.57	50.00	16.07
6	Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh	54		10	25	3	13	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			18.52	46.30	5.56	24.07	5.56
7	Trung tâm phòng chống sốt rét	24		3	9	1	10	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			12.50	37.50	4.17	41.67	4.17
8	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	26		2	11	1	10	2
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			7.69	42.31	3.85	38.46	7.69
9	Trung tâm Chăm sóc SKSS	26		1	7		16	2
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.85	26.92		61.54	7.69
10	Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP	25		3	9		10	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			12.00	36.00		40.00	12.00
11	Trung tâm Truyền thông - GDSK	13		1	9	1	1	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			7.69	69.23	7.69	7.69	7.69
12	Trung tâm Giám định Y khoa	10		4	3		3	0
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			40.00	30.00	0.00	30.00	0.00
13	Trung tâm Pháp Y	11		1	4	1	5	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			9.09	36.36	9.09	45.45	0.00
14	BV Tâm thần	53		3	15	3	23	9
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			5.66	28.30	5.66	43.40	16.98
15	Trạm Da Liễu	11	1	2	2		5	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		9.09	18.18	18.18	0.00	45.45	9.09
16	Trung tâm Mắt	31	1	3	6	1	17	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		3.23	9.68	19.35	3.23	54.84	9.68
17	BV đa khoa huyện Hương Sơn	132		15	29	8	65	15
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			11.36	21.97	6.06	49.24	11.36
18	BV đa khoa huyện Đức Thọ	175		21	25	9	85	35

	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			12.00	14.29	5.14	48.57	20.00
19	BV đa khoa huyện Can Lộc	130	1	16	39	9	54	11
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.77	12.31	30.00	6.92	41.54	8.46
20	BV đa khoa huyện Vũ Quang	110		5	25	8	62	10
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			4.55	22.73	7.27	56.36	9.09
21	BV đa khoa huyện Nghi Xuân	117		14	34	5	50	14
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			11.97	29.06	4.27	42.74	11.97
22	BV đa khoa huyện Thạch Hà	144	1	18	21	13	67	24
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.69	12.50	14.58	9.03	46.53	16.67
23	BV đa khoa huyện Lộc Hà	95	1	5	29	7	44	9
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.05	5.26	30.53	7.37	46.32	9.47
24	BV đa khoa huyện Hương Khê	153		16	34	27	57	19
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			10.46	22.22	17.65	37.25	12.42
25	BV đa khoa huyện Kỳ Anh	173	1	15	44	7	91	15
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.58	8.67	25.43	4.05	52.60	8.67
26	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên	106		16	21	15	39	15
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			15.09	19.81	14.15	36.79	14.15
27	BV đa khoa thị xã Hồng Lĩnh	158	1	12	33	10	68	34
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.63	7.59	20.89	6.33	43.04	21.52
28	BV đa khoa TP Hà Tĩnh	141	1	11	52	15	55	7
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.73	8.03	37.96	10.95	40.15	5.11

- Cơ cấu độ tuổi:

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo độ tuổi (Tỷ lệ % so với tổng số người)				
			Dưới 30 tuổi	Từ 30 đến 50 tuổi	Từ 50 đến 60 tuổi		Trên tuổi nghỉ hưu
					Tổng số	Trong đó: Nữ: 53, nam: 58	
I	Cơ quan hành chính	64	14	34	16	4	0
1	Sở Y tế	34	5	21	8	3	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		14.71	61.76	23.53	8.82	
2	Chi cục Dân số - KHHGĐ	16	3	7	6	1	
			18.75	43.75	37.50	6.25	
3	Chi cục An toàn vệ sinh TP	14	6	6	2		
			42.86	42.86	14.29	0.00	
II	Đơn vị sự nghiệp	2987	422	2235	330	119	0
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	671	78	523	70	52	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		11.62	77.94	10.43		
2	BV Phục hồi chức năng	99	15	79	5	2	

	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		15.15	79.80	5.05	2.02	
3	BV phổi	92	13	72	7	3	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		14.13	78.26	7.61	3.26	
4	BV Y học Cổ truyền	151	15	115	21	6	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		9.93	76.16	13.91	3.97	
5	BV Cửa khẩu quốc tế cầu treo	56	5	47	4	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		8.93	83.93	7.14	1	
6	Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh	54	10	41	3		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		18.52	75.93	5.56		
7	Trung tâm phòng chống sốt rét	24	3	18	3		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		12.50	75.00	12.50		
8	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	26	3	22	1		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		11.54	84.62	3.85	0.00	
9	Trung tâm Chăm sóc SKSS	26	1	23	2	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		3.85	88.46	7.69	3.85	
10	Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP	25	5	19	1	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		20	76	4	4	
11	Trung tâm Truyền thông - GDSK	13	1	11	1	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		7.69	84.62	7.69	7.69	
12	Trung tâm Giám định Y khoa	10	1	5	4	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		10.00	50.00	40.00	10.00	
13	Trung tâm Pháp Y	11	4	6	1		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		36.36	54.55	9.09	0.00	
14	BV Tâm thần	53	18	28	7	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		33.96	52.83	13.21	1.89	
15	Trạm Da Liễu	11		9	2		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			81.82	18.18	0.00	
16	Trung tâm Mắt	31	5	22	4	2	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		16.13	70.97	12.90	6.45	
17	BV đa khoa huyện Hương Sơn	132	27	87	18	2	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		20.45	65.91	13.64	1.52	
18	BV đa khoa huyện Đức Thọ	175	19	139	17	3	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		10.86	79.43	9.71	1.71	
19	BV đa khoa huyện Can Lộc	130	11	89	30	7	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		8.46	68.46	23.08	5.38	
20	BV đa khoa huyện Vũ Quang	110	13	92	5	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		11.82	83.64	4.55	0.91	
21	BV đa khoa huyện Nghi Xuân	117	11	89	17	5	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		9.40	76.07	14.53	4.27	
22	BV đa khoa huyện Thạch Hà	144	19	113	12	5	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		13.19	78.47	8.33	3.47	

23	BV đa khoa huyện Lộc Hà	95	30	60	5	2
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		31.58	63.16	5.26	2.11
24	BV đa khoa huyện Hương Khê	153	21	102	30	7
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		13.73	66.67	19.61	4.58
25	BV đa khoa huyện Kỳ Anh	173	44	107	22	6
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		25.43	61.85	12.72	3.47
26	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên	106	12	84	10	4
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		11.32	79.25	9.43	3.77
27	BV đa khoa thị xã Hồng Lĩnh	158	14	125	19	4
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		8.86	79.11	12.03	2.53
28	BV đa khoa TP Hà Tĩnh	141	24	108	9	2
			17.02	76.60	6.38	1.42

- Số lượng công chức, viên chức nghỉ hưu đơn vị từ năm 2016-2021

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Giai đoạn 2016 - 2021 (Tỷ lệ % so với tổng số người)					
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
I	Cơ quan hành chính	64	1	2	3	3	2	0
1	Sở Y tế	34	1	2	1		2	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		2.86	5.71	2.86		5.71	
2	Chi cục Dân số - KHHGĐ	16			2	2		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				13.33	13.33		
3	Chi cục An toàn vệ sinh TP	14				1		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)					6.67		
II	Đơn vị sự nghiệp	2987	31	62	47	57	41	44
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	671	10	14	15	12	12	12
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.49	2.09	2.24	1.79	1.79	1.79
2	BV Phục hồi chức năng	99	1		1	2		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.01	0.00	1.01	2.02		
3	BV phổi	92		1			1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			1.09	0.00	0.00	1.09	
4	BV Y học Cổ truyền	151	2	5	1	4	4	5
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.32	3.31	0.66	2.65	2.65	3.31
5	BV Cửa khẩu quốc tế cầu treo	56					1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)						1.79	
6	Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh	54					1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)						1.85	
7	Trung tâm phòng chống sốt rét	24	1					1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		4.17					4.17

8	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	26		1			
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.85			
9	Trung tâm Chăm sóc SKSS	26		1			1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.85			3.85
10	Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP	25			1		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				4.00		
11	Trung tâm Truyền thông - GDSK	13			1		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				7.69		
12	Trung tâm Giám định Y khoa	10	1		1	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		10.00		10.00	10.00	
13	Trung tâm Pháp Y	11			1		
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				9.09		
14	BV Tâm thần	53		1	1	1	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			1.89	1.89	1.89	1.89
15	Trạm Da Liễu	11		1		2	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			9.09	0.00	18.18	
16	Trung tâm Mắt	31		1		1	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			3.23	0.00	3.23	3.33
17	BV đa khoa huyện Hương Sơn	132	2	3	2	2	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.52	2.27	1.52	1.52	0.76
18	BV đa khoa huyện Đức Thọ	175	2	5	2	1	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.14	2.86	1.14	0.57	0.57
19	BV đa khoa huyện Can Lộc	130	4	3	4	2	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		3.08	2.31	3.08	1.54	2.31
20	BV đa khoa huyện Vũ Quang	110			1	1	
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)				0.91	0.91	
21	BV đa khoa huyện Nghi Xuân	117	1	3	3	6	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.85	2.56	2.56	5.13	0.85
22	BV đa khoa huyện Thạch Hà	144	2	3			4
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.39	2.08	0.00	0.00	2.78
23	BV đa khoa huyện Lộc Hà	95		1			1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			1.05	0.00	0.00	1.05
24	BV đa khoa huyện Hương Khê	153	1	3	6	7	6
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.65	1.96	3.92	4.58	0.00
25	BV đa khoa huyện Kỳ Anh	173	3	9	1	5	3
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		1.73	5.20	0.58	2.89	1.73
26	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên	106	1	3	1	2	1
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)		0.94	2.83	0.94	1.89	0.94
27	BV đa khoa thị xã Hồng Lĩnh	158		2	3	7	2
	(Tỷ lệ % so với tổng số người)			1.27	1.90	4.43	1.27
28	BV đa khoa TP Hà Tĩnh	141		2	2	1	4

4. Đánh giá chung thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Đánh giá chung tình hình sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Hợp đồng 68NĐ/CP

Tình hình bố trí, sử dụng công chức, viên chức trong thời gian qua về cơ bản đảm bảo đúng ngành nghề được đào tạo phát huy được năng lực, sở trường của công chức, viên chức. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị đều có kế hoạch rà soát bố trí công chức, viên chức đảm bảo cơ cấu, phù hợp năng lực chuyên môn từng vị trí công tác và thực hiện tốt chính sách luân chuyển, điều động công chức, viên chức theo quy định.

Tuy nhiên, ở một số cơ quan, đơn vị việc sử dụng, phân công công tác cho công chức, viên chức vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết những tiềm năng của đội ngũ công chức, viên chức hiện có.

Tình hình nhân lực của Ngành tuy số lượng đông nhưng chất lượng chưa đồng đều, tỷ lệ các ngạch chưa cân đối. Đặc biệt thiếu bác sĩ; tỷ lệ điều dưỡng, kỹ thuật viên có trình độ cử nhân cao đẳng trở lên chiếm tỷ lệ còn thấp, các ngạch viên chức có trình độ trung cấp tương đối nhiều.

Độ tuổi của công chức, viên chức và lao động hợp đồng tập trung ở tuổi từ 30 đến 50 tuổi. Số công chức, viên chức dưới 30 tuổi chiếm 14,29%, từ 30 đến 50 tuổi chiếm 74,37%, từ 50 đến 60 tuổi chiếm 11,34% trong đó số Nữ trên 53 tuổi và Nam trên 58 tuổi chiếm 4,03% biên chế của toàn Ngành.

b) Tồn tại, hạn chế

- Tuyển dụng công chức, viên chức: Mặc dù công tác thu hút nhân tài, đào tạo, bồi dưỡng được tính chú trọng nhưng việc thu hút đội ngũ bác sĩ, kỹ thuật viên có trình độ đại học về công tác tại các đơn vị trong Ngành hàng năm không được nhiều.

- Sử dụng, bố trí, phân công, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm: Mặc dù việc sử dụng, bố trí, phân công, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm đảm bảo đúng quy trình và phù hợp với chuyên ngành công tác. Tuy nhiên, vẫn còn bất cập về tỷ lệ giữa các ngạch, chất lượng chuyên môn giữa các tuyển, các đơn vị chưa đồng đều.

- Đánh giá phân loại công chức, viên chức hàng năm: Hàng năm Sở Y tế có hướng dẫn đánh giá phân loại công chức, viên chức trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nội vụ và của các cơ quan có thẩm quyền. Việc đánh giá nhìn chung các đơn vị thực hiện đúng theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại công chức, viên chức.

c) Nguyên nhân của những tồn tại

Mặc dù công tác thu hút nhân tài, đào tạo, bồi dưỡng được tính chú trọng nhưng do mức thu nhập cán bộ y tế còn thấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu,

cơ hội phát triển còn hạn chế nên chưa thu hút được đội ngũ bác sĩ và các Kỹ thuật viên có trình độ cao về công tác tại các đơn vị trong Ngành. Đặc biệt tại các bệnh viện chuyên khoa có tính đặc thù như Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần, các bệnh viện huyện miền núi, ven biển như Bệnh viện đa khoa huyện Vũ Quang, Cầu Treo, Hương Khê, Lộc Hà. Một số ngạch viên chức chưa có quy định tiêu chuẩn ngạch, do đó việc xét chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng đối với viên chức để cân đối các ngạch viên chức còn khó khăn trong thực hiện. Số lượng công chức, viên chức qua các khoá đào tạo, bồi dưỡng khá lớn, nhưng nhìn chung chất lượng còn hạn chế.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY, TINH GIẢN BIÊN CHẾ:

1. Phương án sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ để xác định những nhiệm vụ không còn phù hợp cần loại bỏ, những nhiệm vụ trùng lắp cần chuyển giao sang cơ quan, đơn vị khác; Điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc theo Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phòng y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, cụ thể:

- Lĩnh vực y tế dự phòng, chuyên ngành: Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trên cơ sở sáp nhập các trung tâm: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Trung tâm Phòng chống Sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng; Trung tâm Da Liễu; Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS; Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản. Chuyển một phần chức năng khám, chữa bệnh của các trung tâm chuyên khoa về Bệnh viện đa khoa tỉnh thực hiện.

- Y tế tuyến huyện:

+ Tiến hành sáp nhập các Trung tâm Y tế dự phòng tuyến huyện (thị xã, thành phố) vào Bệnh viện đa khoa tuyến huyện (thị xã, thành phố) thành Trung tâm Y tế huyện (thị xã, thành phố) thực hiện 02 chức năng về y tế dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng (13 Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố).

+ Chuyển Bệnh viện khu vực cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo thành cơ sở 2 của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn; tiếp tục thực hiện chức năng về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng cho người dân trên địa bàn 6 xã, thị trấn, các vùng phụ cận và nhân dân nước bạn Lào.

+ Chuyển Phòng khám đa khoa khu vực Đức Lĩnh thuộc huyện Vũ Quang thành cơ sở 2 của Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang; tiếp tục thực hiện chức năng về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng cho người dân trên địa bàn 6 xã vùng hạ huyện và vùng phụ cận.

+ Trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện là đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện, gồm có 262 trạm y tế.

2. Phương án tinh giản biên chế:

Trên cơ sở các đề xuất về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy để đề xuất bố trí cán bộ, công chức, viên chức với số lượng phù hợp, đảm bảo chất lượng (phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, năng lực, sở trường; luân chuyển; đào tạo, bồi dưỡng; thu hút nhân tài...) để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao theo các nội dung sau:

a) Xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, khung năng lực cho từng vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Xác định số biên chế, số lượng người làm việc có thể giảm so với hiện tại (trên cơ sở phân công công việc hợp lý; tăng cường kiêm nhiệm; giảm bộ phận trung gian, hành chính, phục vụ; cho thôi việc với những công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ được giao, hoàn thành nhưng còn hạn chế về năng lực theo quy định...).

c) Lựa chọn và xác định:

- Số lượng những cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất giữ lại làm việc ổn định, lâu dài 2.908 người/3.167 số biên chế của cơ quan, đơn vị.

- Số lượng người trong diện tinh giản biên chế và đề nghị giải quyết theo chính sách quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đến năm 2021 là 309 người.

Trong đó:

+ Chính sách về hưu trước tuổi: 193 người.

+ Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước: 52 người.

+ Chính sách thôi việc ngay: 33 người.

+ Chính sách thôi việc sau khi đi học nghề: 31 người

Cụ thể từng cơ quan, đơn vị:

	Đối tượng/ năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
I	Cơ quan hành chính	1	1	2		1	2
1	Sở Y tế		1	2		1	
2	Chi cục Dân số - KHHGĐ						1
3	Chi cục An toàn vệ sinh TP	1					1
II	Viên chức trong đơn vị sự nghiệp	30	66	69	47	42	42

1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	11	12	13	12	11	10
2	BV Phục hồi chức năng	2	2	3	1	1	1
3	BV phổi		3	2	2	1	1
4	BV Y học Cổ truyền	3	3	3	3	2	1
5	BV Cửa khẩu quốc tế cầu treo		1	2	1	1	1
6	Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh		1	2	1		1
7	Trung tâm phòng chống sốt rét		1				1
8	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS			1			1
9	Trung tâm Chăm sóc SKSS		1	1		1	
10	Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP		1	1			1
11	Trung tâm Truyền thông - GDSK			1			
12	Trung tâm Giám định Y khoa						
13	Trung tâm Pháp Y			1			
14	BV Tâm thần		1	2	1	1	1
15	Trạm Da Liễu					1	
16	Trung tâm Mắt		1	1			1
17	BV đa khoa huyện Hương Sơn	2	2	2	2	2	2
18	BV đa khoa huyện Đức Thọ	3	4	4	3	2	2
19	BV đa khoa huyện Can Lộc	2	3	3	2	2	2
20	BV đa khoa huyện Vũ Quang		4	4	2	1	1
21	BV đa khoa huyện Nghi Xuân		3	3	2	2	1
22	BV đa khoa huyện Thạch Hà		2	3	3	3	3
23	BV đa khoa huyện Lộc Hà	1	2	3	1	2	2
24	BV đa khoa huyện Hương Khê	3	3	2	3	2	2
25	BV đa khoa huyện Kỳ Anh	2	6	2	2	2	3
26	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên	1	2	3	1	1	1
27	BV đa khoa thị xã Hồng Lĩnh		4	3	2	2	2
28	BV đa khoa TP Hà Tĩnh		4	4	3	2	1

III	Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	2	1	1	1	0	1
1	Sở Y tế						
2	Chi cục Dân số - KHHGD						
3	Chi cục An toàn vệ sinh TP						
4	Bệnh viện đa khoa tỉnh						
5	BV Phục hồi chức năng						
6	BV phổi						
7	BV Y học Cổ truyền						
8	BV Cửa khẩu quốc tế cầu treo						
9	Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh						
10	Trung tâm phòng chống sốt rét						
11	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS		1				
12	Trung tâm Chăm sóc SKSS						
13	Trung tâm Kiểm nghiệm DPMP						
14	Trung tâm Truyền thông - GDSK						
15	Trung tâm Giám định Y khoa				1		
16	Trung tâm Pháp Y						
17	BV Tâm thần						
18	Trạm Da Liễu						
19	Trung tâm Mắt						
20	BV đa khoa huyện Hương Sơn						
21	BV đa khoa huyện Đức Thọ						
22	BV đa khoa huyện Can Lộc					1	
23	BV đa khoa huyện Vũ Quang						
24	BV đa khoa huyện Nghi Xuân						
25	BV đa khoa huyện Thạch Hà						
26	BV đa khoa huyện Lộc Hà						
27	BV đa khoa huyện Hương Khê						

28	BV đa khoa huyện Kỳ Anh						
29	BV Đa khoa huyện Cẩm Xuyên						
30	BV đa khoa thị xã Hồng Lĩnh		2		1		
31	BV đa khoa TP Hà Tĩnh						

d) Xác định số lượng cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tinh giản cụ thể cho từng năm trong giai đoạn từ năm 2016-2021, như sau:

Đtượng/ Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
CBCC	1	1	2		1	2
VC	30	66	69	47	42	42
HĐ 68	2	1	1	1		1

đ) Đề xuất các chính sách tinh giản biên chế cho các đối tượng tinh giản biên chế được hưởng:

Đơn vị tính: người

Năm	6 tháng cuối năm 2016		2017		2018		2019		2020		2021	
Chính sách	CBC C VC	HĐ 68	CBCC VC	HĐ 68	CBC C VC	HĐ 68	CB CC VC	HĐ 68	CB CC VC	HĐ 68	CB CC VC	HĐ 68
Chính sách về hưu trước tuổi	20	2	43	1	44	1	27		26		23	1
Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không	4		12		11		9	1	6		8	

hướnglươn g thường xuyên từ ngân sách nhà nước											
Chính sách thôi việc ngay	4		5		8		7		6		6
Chính sách thôi việc sau khi đi học nghề	4		6		8		4		4		5

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tiếp tục triển khai thực hiện việc quản lý và sử dụng biên chế tinh giản, biên chế nghỉ hưu, thôi việc theo quy định.

2. Trong thời gian tới tiếp tục tổ chức hướng dẫn các đơn vị trực thuộc soát xét lại chức năng nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy theo các văn bản hướng dẫn hiện hành, trên cơ sở tinh gọn bộ máy, bám sát nhiệm vụ, loại bỏ nhiệm vụ không cần thiết, cải cách hành chính, giảm bớt khâu trung gian...để giảm bớt số người làm việc. Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm các đơn vị chuyển số nhân viên phục vụ (hộ lý, lái xe, phục vụ ...) từ viên chức sang hợp đồng theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và đề nghị xét chuyển chức danh nghề nghiệp cho một số viên chức là hộ lý, y công nhưng đã có bằng cấp chuyên môn sang chức danh nghề nghiệp chuyên môn để giảm bớt đội ngũ phục vụ và tăng đội ngũ viên chức chuyên môn còn thiếu. Đồng thời chỉ đạo các đơn vị soát xét lại chất lượng đội ngũ cán bộ, trình độ đào tạo, làm tốt công tác đánh giá phân loại cán bộ cuối năm kiên quyết đưa những trường hợp đội dư theo Đề án vị trí việc làm, những cán bộ có năng lực làm việc hạn chế, sức khỏe yếu, cán bộ chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ hoặc chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm, để đưa vào diện tinh giản.

Chỉ thực hiện việc tuyển dụng công chức, viên chức chất lượng cao để bổ sung biên chế còn thiếu hàng năm.

3. Việc thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các đối tượng tinh giản: Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc chi trả chế độ cho các đối tượng tinh giản đúng quy định khi đơn vị có đối tượng tinh giản.

4. Các đơn vị căn cứ kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện tốt. Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong quá trình triển khai thực hiện việc tinh giản biên chế. Kịp thời giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế theo thẩm quyền. Định kỳ hàng năm, tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế báo cáo Sở Y tế trước ngày 05/12 và báo cáo đột xuất theo yêu cầu./. *as*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ;
- Các đơn vị trực thuộc Ngành;
- Lưu: VT, TCCB.

Gửi VB điện tử *Ung*



Lê Ngọc Châu
Lê Ngọc Châu